

Số: /TTr-SNNMT

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐƠN GIÁ TRỒNG RỪNG THAY THẾ

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

- Theo quy định tại Điều 19 Luật Lâm nghiệp về điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

“1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Có dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

4. Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế.”

- Điều 21 Luật Lâm nghiệp quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác như sau:

“1. Chủ dự án được giao đất, thuê đất có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải trồng rừng thay thế bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên.

2. Chủ dự án quy định tại khoản 1 Điều này tự trồng rừng thay thế phải xây dựng phương án trồng rừng thay thế trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế thì nộp tiền vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh.

3. Số tiền nộp vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh bằng diện tích rừng phải trồng rừng thay thế quy định tại khoản 1 Điều này nhân với đơn giá cho 01 ha rừng trồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh quyết định sử dụng tiền đã nộp vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh.

4. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được hoặc không bố trí đủ diện tích đất để trồng rừng thay thế trong thời hạn 12 tháng kể từ khi chủ dự án hoàn thành trách nhiệm nộp tiền vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh thì phải chuyển tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác.”

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện trồng rừng thay thế quy định tại Điều này.

- Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm, quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đơn giá hoặc điều chỉnh đơn giá trồng rừng thay thế trên cơ sở định mức – kỹ thuật trồng rừng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*”.

- Tại điểm a khoản 4 Điều 21 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định: “*a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế; phê duyệt phương án trồng rừng thay thế (đối với trường hợp chủ dự án tự thực hiện trồng rừng thay thế) và thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh;*”.

Căn cứ quy định vừa viện dẫn nêu trên, các Chủ dự án có chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải thực hiện trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh theo đơn giá trồng rừng thay thế do UBND tỉnh quyết định. Do đó, việc ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là cần thiết và phù hợp theo quy định tại Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Cơ sở thực tiễn

Trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (cũ) việc xác định đơn giá trồng rừng thay thế được áp dụng theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở áp dụng các định mức và giá vật tư theo quy định tại: Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ; các Thông tư: số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 và số 21/2023/TTBNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn giá vật tư theo tình hình thực tế.

Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (cũ) việc xác định đơn giá trồng rừng thay thế được áp dụng theo Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Ủy ban

nhân dân tỉnh, trên cơ sở áp dụng quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 và Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để tính toán; đồng thời áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng bằng loài cây Thông 3 lá được ban hành kèm theo Quyết định số 188/2003/QĐ-BNN ngày 23/01/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn giá vật tư theo tình hình thực tế.

Theo đó, hiện nay một số căn cứ pháp lý tại 02 Quyết định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nêu trên đã được điều chỉnh và thay thế, cụ thể như sau:

- Đối với Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ):

+ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cũ) được ban hành theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 và hiện nay, được thay thế bởi Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Mức lương cơ sở để xây dựng giá nhân công trong Đơn giá trồng rừng thay thế được áp dụng với mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Tuy nhiên; hiện nay, Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, với mức lương cơ sở tăng lên 2.340.000 đồng/tháng. Theo đó, dẫn đến chi phí nhân công tăng 30% so với Quyết định được ban hành và các chi phí vật liệu đầu vào để thực hiện công trình lâm sinh cũng tăng theo.

+ Dự toán chi phí trồng rừng thay thế trong Đơn giá được áp dụng theo quy định tại Điều 5 Chương II Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh. Tuy nhiên, quy định tại Điều 5 Chương II Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hết hiệu lực kể từ ngày 15/7/2024 và thay thế bởi quy định tại Chương IV Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. Do đó, dẫn tới dự toán chi phí trồng rừng thay thế trong Đơn giá có biến động tăng hoặc giảm so với Quyết định được ban hành.

- Đối với Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ):

+ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa được ban hành theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 và hiện nay, được thay thế bởi Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

+ Giá nhân công lao động trong Đơn giá trồng rừng thay thế có áp dụng Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, để tính toán. Tuy nhiên, hiện nay Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã được bãi bỏ tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước. Do đó, giá nhân công lao động trong Đơn giá trồng rừng thay thế có thay đổi (tăng hoặc giảm), từ đó dẫn đến Đơn giá trồng rừng thay thế có biến động theo so với Quyết định đã được ban hành.

+ Đơn giá được xây dựng trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng bằng loài cây Thông 3 lá (Áp dụng theo quy trình kỹ thuật tại Tiêu chuẩn ngành 04TCN-65-2003 được hành kèm theo Quyết định số 188/2023/QĐ-BNN ngày 23/01/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tuy nhiên; ngày 31/12/2024, Cục Lâm nghiệp (nay là Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm) có ban hành Quyết định số 404/QĐ-LN-PTR Hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng cho 20 loài cây lâm nghiệp chính (có hiệu lực từ ngày 27/01/2025), trong đó có hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng loài cây Thông 3 lá. Do đó, Đơn giá trồng rừng thay thế tại Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa có thể không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và không đảm bảo tính đồng nhất, phù hợp Quyết định số 404/QĐ-LN-PTR ngày 31/12/2024 của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

Ngoài ra, việc sáp nhập đơn vị hành chính giữa tỉnh Ninh Thuận (cũ) và tỉnh Khánh Hòa (cũ) theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đặt ra yêu cầu cần thống nhất, đồng bộ và ban hành đơn giá trồng rừng thay thế mới, phù hợp với địa bàn hành chính sau sắp xếp.

Vì vậy, từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (mới) là cần thiết để các Chủ dự án có liên quan làm căn cứ áp dụng để nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng

tỉnh trong trường hợp các Chủ dự án không tự trồng rừng thay thế theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế là căn cứ để các Chủ dự án thuộc các trường hợp phải trồng rừng thay thế thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng khi không tự tổ chức trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Quan điểm xây dựng Quyết định

Việc xây dựng Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Lâm nghiệp; Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản quy phạm hiện hành có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Về thực hiện xây dựng đơn giá

1.1. Chọn loài cây trồng

Hiện nay, công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa chủ yếu áp dụng phương thức trồng thuần loài cây, như: Keo lá tràm, Thông 3 lá, Dầu rái theo quy trình kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-LN-PTR ngày 31/12/2024 của Cục Lâm nghiệp, đảm bảo phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tại địa phương.

1.2. Định mức xây dựng đơn giá

1.2.1. Dự toán (Áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp), gồm:

1.2.1.1. Chi phí xây dựng:

a) Chi phí trực tiếp:

- Chi phí nhân công, gồm: Trồng rừng; chăm sóc rừng; kiểm tra, giám sát, chỉ đạo kỹ thuật, nghiệm thu hàng năm; bảo vệ rừng; làm mới, tu dưỡng đường ranh cản lửa và chi phí khác có liên quan áp dụng theo các định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi phí vật tư, gồm:

+ Cây giống: Sử dụng cây giống theo Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) của từng loài cây với đơn giá được áp dụng theo Bảng báo giá của Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ (Keo lá tràm: 2.000 đồng/cây; Thông 3 lá: 6.000 đồng/cây; Dầu con rái: 15.000 đồng/cây).

+ Phân bón: Áp dụng theo giá thị trường phân bón trong nước hoặc báo giá của các nhà máy sản xuất phân bón, các đại lý kinh doanh phân bón tại địa bàn nơi tập kết thi công công trình (Phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam).

+ Vật tư khác (Máy móc, thiết bị, dụng cụ trang bị bảo hộ phụ trợ): 5% giá trị so với vật tư thiết yếu (theo quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

b) Chi phí gián tiếp, gồm:

- Chi phí chung: Được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí trực tiếp trong dự toán xây dựng. Định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí chung được xác định theo chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư của dự án được duyệt theo quy định tại Bảng 3.1 Phụ lục III Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

- Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công: Được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí trực tiếp. Định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được xác định theo chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư được duyệt theo quy định tại Bảng 3.3 Phụ lục III Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng (1,1% chi phí trực tiếp).

- Chi phí cho một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế: Được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí trực tiếp trong chi phí xây dựng. Định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế được quy định tại Bảng 3.4 Phụ lục III Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

c) Thu nhập chịu thuế tính trước: Được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp theo quy định Bảng 3.5 Phụ lục III Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

d) Thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của nhà nước.

1.2.1.2. Chi phí thiết bị, gồm: Mua sắm thiết bị công nghệ (Kể cả thiết bị công nghệ cần sản xuất, gia công), lắp đặt và thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị, vận chuyển, bảo hiểm thiết bị, đào tạo và chuyên gia công nghệ phục vụ công trình lâm sinh.

1.2.1.3. Chi phí quản lý: Được tính trên cơ sở định mức tỷ lệ phần trăm (%) của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị theo quy định tại Bảng 1.1 Chương 1 Phần II Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hoặc được xác định bằng dự toán chi tiết, gồm: chi phí tổ chức quản lý công trình lâm sinh từ giai đoạn chuẩn bị đến khi kết thúc, nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng.

1.2.1.4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, được xác định bằng dự toán chi tiết trên cơ sở phạm vi, khối lượng công việc, kế hoạch thực hiện, gồm:

a) Khảo sát; lập thiết kế, dự toán: Nhân công lao động được áp dụng theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Chi phí giám sát công trình: Được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) (tại Bảng 2.21 Chương 2 Phần II Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng) nhân với chi phí xây dựng (Chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán gói thầu thi công xây dựng.

c) Chi phí thẩm tra

- Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật: Được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (tại Bảng 2.16 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/12/2021 của Bộ Xây dựng) nhân với chi phí xây dựng (Chưa có thuế giá trị gia tăng) của công trình trong tổng mức đầu tư.

- Chi phí thẩm tra dự toán: Được xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (tại Bảng 2.17 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/12/2021 của Bộ Xây dựng) nhân với chi phí xây dựng (Chưa có thuế giá trị gia tăng) của công trình trong tổng mức đầu tư.

1.2.1.5. Chi phí khác, gồm:

a) Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: Xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (tại Bảng 2.19 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/12/2021 của Bộ Xây dựng) nhân với chi phí xây dựng (Chưa có thuế giá trị gia tăng) trong dự toán gói thầu thi công xây dựng, trong đó phân chia như sau:

- Chi phí lập Hồ sơ mời thầu thi công xây dựng (45%).

- Chi phí đánh giá Hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (55%).

b) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Được xác định trên cơ sở giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán tối thiểu là 500.000 đồng).

c) Chi phí kiểm toán độc lập: Được xác định trên cơ sở giá trị cần thuê kiểm toán của dự án, dự án thành phần, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập nhân (x) với tỷ lệ định mức được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, cộng với thuế giá trị gia tăng (Chi phí kiểm toán độc lập tối thiểu là 1.000.000 đồng và cộng với thuế giá trị gia tăng).

1.2.1.6. Chi phí dự phòng, bao gồm: Chi phí dự phòng được xác định cho khối lượng, công việc phát sinh và dự phòng cho yếu tố trượt giá, được xác định

như sau:

a) Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 4 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

b) Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định trên cơ sở thời gian, tiến độ dự kiến thực hiện công trình (tính bằng quý, năm) và chỉ số giá xây dựng phù hợp với loại công trình xây dựng có tính đến các khả năng biến động giá trong nước và quốc tế theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 4 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

1.3. Đơn giá nhân công lao động

- Hệ số lương của công nhân trồng rừng và kỹ sư thiết kế trồng rừng: Áp dụng theo hệ số lương bình quân quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phương pháp tính tiền lương của công nhân trồng rừng và kỹ sư thiết kế trồng rừng: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

- Mức lương cơ sở để xây dựng tiền lương cho công nhân trồng rừng và kỹ sư thiết kế trồng rừng: Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (Mức lương 2.340.000 đồng/tháng áp dụng kể từ ngày 01/7/2024).

1.4. Dự toán chi phí trồng rừng 01 ha theo từng loài

- Trên cơ sở những loài cây thường áp dụng để thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tính toán đơn giá trồng rừng thay thế 01 ha theo từng loài, cụ thể như sau:

Stt	Loài cây trồng/Phương thức trồng	Mật độ trồng	Đơn giá trồng rừng cho 01 ha (đồng)
1	Trồng thuần loài cây Keo lá tràm	2.500 cây/ha	238.941.565
2	Trồng thuần loài cây Thông 3 lá	2.500 cây/ha	374.897.002
3	Trồng thuần loài cây Dầu rái	833 cây/ha	246.302.191

(Kèm theo Phụ lục Thuyết minh xây dựng dự toán chi tiết của mỗi loài cây trồng)

1.5. Về đơn giá nộp tiền trồng rừng thay thế

Hiện nay, hiện trường trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa chủ yếu tập trung ở các khu vực đồi núi, có độ dốc cao và có thành phần cơ giới

đất đai phù hợp trồng những loài cây trồng như Keo lá tràm hoặc Thông 3 lá. Mặt khác, để tránh trường hợp số tiền mà Chủ dự án nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng không đủ để thực hiện trồng đúng với diện tích phải trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017 và điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND tỉnh ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh được tính theo phương thức trồng thuần loài cây Thông 3 lá, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục chi phí	Dự toán (đồng)
1	Chi phí xây dựng	301.547.241
2	Chi phí quản lý	9.370.941
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	12.955.862
4	Chi phí khác	6.425.158
5	Chi phí dự phòng	44.597.800
Tổng cộng		374.897.002

2. Về tổ chức lấy ý kiến

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 1164/VPUB-KT ngày 30/7/2025 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Quyết định Quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng, hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật và đã lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị chủ rừng nhà nước trên địa bàn tỉnh bằng văn bản; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đăng tải toàn văn dự thảo Quyết định và các hồ sơ có liên quan lên Cổng Thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Kết quả như sau:

2.1. Lấy ý kiến bằng văn bản

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được ý kiến góp ý của đơn vị, trong đó:

- Ý kiến thống nhất với dự thảo Quyết định và Tờ trình: / đơn vị;
- Ý kiến góp ý về một số nội dung dự thảo Quyết định và Tờ trình: / đơn vị;
- Không có ý kiến: / đơn vị.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, nghiên cứu chỉnh sửa hoàn thiện nội dung dự thảo Quyết định theo quy định (*Kèm theo Phụ lục tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị*).

2.2. Đăng tải dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp

và Môi trường tỉnh Khánh Hòa

Ngày /8/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện đăng tải toàn văn dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Sở để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham góp ý kiến. Đến thời điểm hiện tại, Sở Nông nghiệp và Môi trường không nhận được góp ý dự thảo Quyết định ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Trình Sở Tư pháp thẩm định

Sau khi tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến của các Sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo ý kiến góp ý của các đơn vị và đã có Văn bản số /SNNMT-KL ngày / /2025 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa quy định tại Điều 50 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày / /2025 đối với dự thảo Quyết định ban hành đơn giá trồng rừng thay thế, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu ý kiến thẩm định và đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; đồng thời, có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đồng gửi Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4498/BC-SNNMT ngày //2025.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Chủ dự án) có liên quan đến việc nộp tiền trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Bố cục của dự thảo Quyết định

Bố cục dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, gồm có 05 Điều. Cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;
- Điều 2. Đơn giá trồng rừng thay thế;
- Điều 3. Nguyên tắc áp dụng;

- Điều 4. Tổ chức thực hiện;
- Điều 5. Quy định chuyển tiếp;
- Điều 6. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Chủ dự án) có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đơn giá trồng rừng thay thế

- Đơn giá trồng rừng thay thế của 01 ha là **374.897.002** đồng/ha. (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi bảy đồng, không trăm lẻ hai đồng*).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Đơn giá trồng rừng thay thế tại Điều 2 Quyết định này là căn cứ để xác định số tiền mà cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Chủ dự án) phải nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa trong trường hợp chủ dự án không tự thực hiện tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định.

2. Số tiền trồng rừng thay thế nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh bằng diện tích phải thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định nhân với đơn giá trồng rừng thay thế quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, giải ngân và kiểm soát thanh toán tiền trồng rừng thay thế theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, đơn vị được giao chủ đầu tư trồng rừng thay thế căn cứ đơn giá trồng rừng thay thế quy định tại Điều 2 Quyết định này để thực hiện trồng rừng thay thế đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tham mưu triển khai tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định; trong trường hợp có quy định mới của cấp có thẩm quyền hoặc có biến động làm tăng, giảm đơn giá trồng rừng thay thế, kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với chủ dự án đã có văn bản chấp thuận việc nộp tiền trồng thay thế

của cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế theo văn bản chấp thuận nộp tiền trước đó của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2025.
2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc nhà nước XIV; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn nhân lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Quyết định

Sau khi Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được ban hành, sẽ là căn cứ để các chủ dự án nộp tiền trồng rừng vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trong trường hợp các chủ dự án không tự thực hiện trồng rừng thay thế. Trên cơ sở nguồn kinh phí trồng rừng thay thế của các chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng thay thế được quy định tại Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, giao cho các chủ rừng được quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp; chủ rừng là doanh nghiệp nhà nước; cơ quan, tổ chức khác làm chủ đầu tư trồng rừng thay thế. Theo đó, đối với nguồn nhân lực nêu trên, đảm bảo điều kiện cho việc thi hành Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa sau khi được ban hành; đồng thời, sau khi Quyết định này được ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ chủ động triển khai Quyết định đến toàn bộ các tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện theo quy định.

2. Dự kiến thời gian trình ban hành

Dự kiến trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trước ngày 15/8/2025.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa xin kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

(Thành phần hồ sơ gửi kèm theo, gồm:

- Dự thảo Quyết định quy định đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày / /2025 của Sở Tư pháp và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường số /BC-SNNMT ngày / /2025.

- Các văn bản góp ý của các sở, ngành, địa phương liên quan.)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CCKL, Quý.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Ngọc Hiếu